

SƠN TRÀ

山茶

(CAMELLIAS)

Mẫu Đơn Trà

Yunnan Camellias of China (phụ trang)



LỜI MỞ ĐẦU



Margarete Hertrich (*Camellia japonica*)

Stirling Macoboy: *The Illustrated Encyclopedia of Camellias*, tr. 139

Văn chương Việt Nam đầu thế kỷ XX không thể không nhắc đến Nguyễn Khuyến (1835-1909), người thường được biết dưới tên ông Nghè Và hay Tam Nguyên Yên Đổ. Ông người làng Yên Đổ (Bình Lục, Hà Nam), đỗ đầu trong cả ba kỳ thi Hương (1864), thi Hội (1871), thi Đình (1871) nên mới gọi là Tam Nguyên.

Tuy văn hay chữ tốt, vẫn tự hào mình là người giỏi thơ nôm nhất thiên hạ nhưng từ trẻ mắt ông đã kèm nhèm. Về già khi bị lòa, có người chơi khăm tặng ông một chậu hoa trà là giống hoa mà nhà nho thường chê là hữu sắc, vô hương. Ông làm một bài thơ để cảm ơn như sau:

*Có khách cho ta một chậu trà,
Đương say ta chẳng biết rằng hoa.
Da môi tóc bạc ta già nhỉ,
Áo tía đai vàng bác đấy a?
Mưa nhỏ những khinh phường xô lá,
Gió to luống sợ lũ dơi già.
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy hơi hương một tiếng khà.¹*

Cứ như thế, người Việt cũng có tục trồng hoa trà tuy không phổ biến và cũng không dụng công như những quốc gia khác. Trong *Cây Cỏ Việt Nam*, giáo sư Phạm Hoàng Hộ liệt kê ra 24 giống hoa trà hiện hữu trên đất nước

¹ Trần Trung Viên (sao lục): *Văn đàn bảo giám I & II* (nguyên bản Văn Học Tùng Thư 1926) (Calif: Đại Nam, không đề năm) tr. 37

mình mặc dầu theo Stirling Macoboy, có đến 30 loại trà hoa mọc hoang trên đất nước Việt Nam, liên hệ với các giống *C. sasanqua* và *C. oleifera*.²

Trà hoa Việt Nam (*camellia vietnamensis*) lá to 4 inches và hoa lớn khoảng 4.5 inches bao gồm năm, sáu cánh màu trắng hay xanh nhạt. Tên một số hoa trà cũng gần gũi với những địa danh ở Đông Dương như *camellia indochinensis* hay *camellia langbianensis*.³ Tuy nhiên những cây trà này hoa không to và không đẹp như của nước ngoài vì người mình chưa tìm cách gây giống, lai tạo để thành một loại cây cảnh độc đáo.



Hoa Trà Việt Nam (*vietnamensis*)
Yunnan Camellias of China, tr. 141

² Vietnamensis: This is a species from Vietnam, as the name suggests, but then around 30 other species of *Camellia* occur wild in Vietnam. It is very closely related to *C. sasanqua* and *C. oleifera*, being distinguished by its larger leaves, frequently over 4 in/10 cm long, and flowers, up to 4^{1/2} in/11 cm in diameter with 5-6 well separated petals that are white or slightly green-flushed. Growing to small tree size, it makes an attractive garden plant. Stirling Macoboy, *The Illustrated Encyclopedia of Camellias* (Oregon: Timber Press, 1998) tr. 23

³ Phạm Hoàng Hộ, *Cây Cỏ Việt Nam* 1991 tr. 527-537

LỊCH SỬ

Thời trung cổ, người Âu Tây không biết tới hoa trà ngoài những lá trà khô đem từ Trung Hoa, Ấn Độ để uống như một loại nước giải khát. Cái tên *Camellia* được chọn và công nhận là do tên của nhà thảo mộc học (botanist) truyền giáo Dòng Tên (Jesuit) Georg Josef Kamel (hay *Camellus*, 1661-1706) người Moravia.

Kamel làm việc tại Philippines và từ trần năm 1706. Tuy suốt đời nghiên cứu về cây cỏ, người ta ngờ rằng chính ông chưa từng nhìn thấy một cây hoa trà nào và cũng chưa từng đặt chân đến Nhật Bản hay Trung Hoa. Ông nổi tiếng chỉ vì đã in một phụ đính (appendix) trong một công trình của Anh năm 1704.

Theo những tài liệu gần đây, sơn trà được một y sĩ người Đức tên là Andreas Cleyer nhắc đến đầu tiên và chính ông này đã đến Nhật hai lần theo sứ bộ thương mại (1682-84 và 1685-87). Thông tin về loại cây này có được là do những mẫu hoa khô của John Cunningham gửi từ Áo Môn và nhà thảo mộc học James Petiver (1663-1718) thực hiện trong một đặc san của Hiệp Hội Hoàng Gia (1702), đặt tên là “*Thea chinensis*”, còn hình vẽ thì xuất hiện trên đồ bản XXXIII tập san *Gazophylacii naturae et artis* (1702-1709).

Tài liệu đầy đủ nhất về hoa trà chỉ được biết đến khi một người Hoà Lan tên là Engelbert Kaempfer, y sĩ của công ty Dutch East India, sống tại Nagasaki vào đầu thập niên 1690 viết gần hai trang rưỡi về loại cây này trong *Amoenitates Exoticarum* (1712) dưới cái tên Nhật Bản là Tsubakki (椿), có kèm cả hình vẽ. Hoa trà được phân thành ba loại *Camellia japonica*, *Camellia sasanqua* và *Camellia sinensis*. Sau khi Kaempfer từ trần, công trình và mẫu thực vật ông sưu tập vào tay một khoa học gia người Anh là Sir Hans Sloane, người đã điều đình để dịch cuốn sách *Lịch Sử nước Nhật* trong đó có cả minh họa hoa trà và nêu lên sự tương đồng với cây trà dùng để lấy lá uống.



Robert Fortune

Stirling Macoboy, tr. 238

Tên *Camellia* được chính thức dùng trong cuốn *Systema Natura* năm 1735 của nhà thảo mộc học người Thụy Điển Linnaeus. Bức tranh vẽ hoa trà là tranh màu nước của họa sĩ Đức Georg Dionysius Ehret (1708-1770) có ghi chú *Camellia* và cả tên Nhật Tsabekki (tức tsubakki hay tsubaki) kèm theo chủng loại *japonica* để ghi nhận loài hoa này xuất xứ từ Phù Tang tam đảo.

Năm 1745, trong một cuốn sách nhan đề *A natural history of birds* của George Edwards, người ta thấy hình vẽ một con công đậu trên cành hoa mà Edwards miêu tả là Chinese rose (hoa hồng Trung Hoa) nhưng chính là một cây sơn trà Nhật Bản (*Camellia japonica*). Đây là bức tranh màu đầu tiên vẽ từ một mẫu thực (living specimen) được khắc bản tại Tây phương và người ta suy đoán rằng cây hoa này phải được trồng ở bên Anh vài năm trước.

Hoa trà cũng còn được ghi nhận trong tạp chí *Botanical Magazine* năm 1788 trong một bức tranh nhan đề *Camellia Japonica* của William Curtis và trong *An authentic account of an embassy from the King of Britain to the Emperor of China* (2 vols.) (London: G. Nicol, 1797) của Sir George Staunton (1737 – 1801) ghi lại chuyến đi của phái bộ Earl Macartney sang Trung Hoa năm 1792-94.

Hoa trà Vân Nam được truyền ra ngoài như thế nào?

Cả một địa bàn rộng lớn Đông Nam Á lẫn Nam Trung Quốc là cái nôi của hoa trà, và tới nay người ta vẫn tìm thấy nhiều cây mọc hoang nhiều hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Nhật Bản tuy không phải là nguyên địa của hoa trà nhưng cũng đã biết đến rất sớm - vào khoảng thế kỷ thứ VII - và cũng chính từ đây mà hoa này được truyền sang Âu Mỹ.

Cây hoa trà Nhật Bản đầu tiên trở bông tại Anh Quốc khoảng năm 1739 trong một nhà kính (glass-house) và đến năm 1760 thì đã trồng được trong vườn thượng uyển của vua xứ Naples ở Caserta.

Mùa xuân năm 1826, trong một nhà kiếng ở Kent người Âu châu được chứng kiến một cây sơn trà nở hoa lần đầu tiên. Cây hoa đó do thuyền trưởng Richard Rawes thuộc công ty Đông Ấn thuộc Anh (British East India Company) đem từ châu Á về và những chuyên gia đều công nhận rằng đó là những bông hoa đẹp nhất trên đời. Nhà thảo mộc học John Lindley biết ngay đây là một giống hoa trà mới thuộc về một loại khác với hoa trà Nhật Bản (*Camellia japonica*) và đặt cho nó cái tên *Camellia reticulata* vì những gân rõ rệt ở trên lá rồi được in trong *Botanical Register* năm 1827.



*Một hình vẽ hoa Captain Rawes
khi mới nhập sang Âu Châu
Stirling Macoboy, tr. 210*

Thế nhưng theo tài liệu của Trung Hoa thì không phải loại sơn trà này qua châu Âu theo đường Nhật Bản mà nằm trong một sưu tập của một nhân viên của công ty Đông Ấn tên là John Reeves kiếm ở Quảng Đông, đem về Anh và gây giống trong khoảng từ 1812 đến 1831. Thuyền trưởng Rawes chỉ là người được ông này nhờ đem về Anh mà thôi.

Ngay từ cuối thế kỷ XVII thời Khang Hi, người ta đã mang sang Nhật Bản một giống hoa trà cánh kép từ Vân Nam và được gọi dưới cái tên To-Tsubaki (Đường Thung - 唐椿) nghĩa là hoa trà của nhà Đường. Loại hoa này cũng chính là giống mà người ta mang sang Âu Châu rồi gần đây lại nhập cảng ngược lại Vân Nam (vì giống này đã tuyệt chủng tại chính quốc) dưới cái tên mới là Qui Hà (歸霞) hay Returned Glory, đánh dấu sự quay về

của một giống hoa đẹp. Giống hoa đỏ cũng được liệt kê trong một cuốn sách Nhật nhan đề *Chikinsho Furoku* in năm 1733.

Giống sơn trà *Camellia reticulata* đầu tiên đó được gọi tên là Captain Rawes giữ địa vị độc tôn suốt hai mươi năm cho đến mãi 1847 mới có thêm một loại hoa khác do ông Robert Fortune đem về, cánh kép màu đỏ sậm. Fortune làm việc cho Hiệp Hội Hoa Viên Hoàng Gia (Royal Horticultural Society) và sưu tập các loài sơn trà khi ở Quảng Châu.

Cả hai loại hoa này không những yếu ớt hơn các giống *Camellia japonica* lại chỉ có thể trồng bằng cách tháp cành (grafting) thành thử chỉ hiện diện trong những nhà kính của giới quý tộc. Cho tới thế chiến thứ II nghĩa là trong khoảng một trăm năm, hoa trà thuộc giống *Camellia reticulata* ở các quốc gia Tây phương vẫn không ngoài hai loại Captain Rawes và Robert Fortune.

Đến năm 1938, người ta mới khám phá ra rằng trong những đèo đài miếu mạo ở Vân Nam có vô số giống *Camellia reticulata* và còn nhiều cây hoa khác mọc hoang trên núi. Người Trung Hoa đã biết đến loại hoa này từ lâu, trong sách vở đời Tùy (590-618 TL) đã viết về hoa trà. Tuy vậy thời kỳ đó đang có chiến tranh nên không mấy ai quan tâm đến phát kiến này và chỉ đến năm 1948 - sau khi thế chiến chấm dứt - nhà hoa viên học (horticulturist) người California là Dr. Walter Lammerts mới đem được 11 chủng loại nữa từ Vân Nam về và người Tây phương lúc này mới được thấy những bông hoa kiêu diễm trước nay vẫn nấu mình trong núi rừng cô tịch ở phương nam Trung Hoa.

Thế nhưng những giống hoa đó vẫn khó gây giống nên chỉ có thể tạo cây mới bằng cách tháp gốc (grafting) và cách giâm cành (grow from cuttings) thì chỉ mới thành công gần đây. Các nhà trồng tỉa cũng pha *Camellia japonica* với *Camellia reticulata* hay các giống khác.

Từ những cây mọc hoang, người ta tạo được đủ màu từ hồng đến đỏ thẫm (khi đó chưa có thể lai tạo được hoa trà màu trắng) và các giống hiện nay phong phú hơn những giống chính gốc Trung Hoa nhiều. Hoa trà Vân Nam có cánh hoa cuộn và dợn sóng, không thẳng một cách đơn điệu như hoa trà Nhật Bản, mặc dù theo mùa thì hoa trà Vân Nam thường nở sau hoa trà Nhật Bản. Sơn trà Vân Nam mọc nhanh nhưng cũng như những giống hoa đầu tiên được mang về Mỹ, tuy thích hợp ở một số khu vực tại Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan nhưng lại không chịu những vùng rét.

Ngày nay, sơn trà không còn là một đặc sản của Vân Nam mà hiện diện tại nhiều quốc gia, nhất là những vùng bán nhiệt đới hay ôn đới. Hầu như cũng ít ai tìm hiểu về nguồn gốc và lịch sử của loài hoa.

TỪ TIỂU THUYẾT KIẾM HIỆP CỦA KIM DUNG

Trong *Thiên Long Bát Bộ* của Kim Dung, hoa trà đã được mô tả như một loại kỳ hoa, có gốc nở mười tám loại hoa đủ màu gọi là Thập Bát Học Sĩ. Không ít người trong chúng ta ao ước được một lần nhìn tận mắt giống cây quý hiếm này.



Sawada's Dream

Stirling Macoboy: *The Illustrated Encyclopedia of Camellias*, tr. 174

... Vương phu nhân đưa Đoàn Dự đi qua rừng hoa, qua một chiếc cầu đá, theo một đường mòn đến trước một tòa tiểu lâu. Đoàn Dự nhìn thấy dưới mái hiên có một tấm biển viết ba chữ Vân Cẩm Lâu theo lối chữ triện màu xanh, dưới lầu trước sau trái phải chỗ nào cũng toàn hoa trà cả. Có điều những giống này ở Đại Lý chỉ vào hạng ba hạng tư, nếu so với tòa tiểu lâu tinh mỹ này có phần không xứng.

Wang phu nhân vẻ mặt đắc ý, nói:

- Đoàn công tử, nước Đại Lý của cậu hoa trà rất nhiều, nhưng nếu so sánh với của ta chắc không thể bì kịp.

Đoàn Dự gật đầu:

- Những hoa trà loại này dân Đại Lý chúng tôi chẳng ai trồng cả.

Wang phu nhân cười khanh khách:

- Thật ư?

Đoàn Dự nói:

- Những người dân quê mùa tầm thường ở Đại Lý cũng biết các loại hoa này phẩm chất kém cỏi, trồng chẳng cao sang gì.

Wang phu nhân mặt biến sắc, giận dữ nói:

- Người nói sao? Người bảo hoa trà ta trông là loại tục phẩm ư? Nói như thế chẳng hóa, chẳng hóa khinh người quá lắm.

Đoàn Dự nói:

- Phu nhân tin hay không tin cũng tùy ở người.

Chàng vừa nói vừa chỉ một cây hoa trà ngũ sắc trước lầu:

- Giá thử như cây này, bà tưởng nó quý lắm ư. Hừ, đẹp thật, cái lan can này thật là đẹp, thật là đẹp.

Chàng tấm tắc khen cái lan can đẹp mà hoa thì chẳng nhắc đến một câu khác nào người xem chữ viết, không nhắc đến chữ mà chỉ khen lấy khen để mực đen và giấy tốt.

Cây hoa trà đó vừa trắng vừa đỏ, vừa tía vừa vàng, sắc hoa thật là rực rỡ, từ trước tới nay Vương phu nhân vẫn coi là trân phẩm. Nay thấy Đoàn Dự có vẻ xem thường nên lông mày bà nhướng lên, mắt lộ sát ý. Đoàn Dự nói:

- Xin hỏi phu nhân, giống hoa này ở Giang Nam gọi tên là gì?

Wương phu nhân hậm hực đáp:

- Chúng tôi chẳng gọi tên gì đặc biệt, chỉ gọi là hoa trà Ngũ Sắc.

Đoàn Dự mỉm cười:

- Đại Lý chúng tôi có đặt cho nó một cái tên, gọi là Lạc Đệ Tú Tài.⁴

Wương phu nhân hừ một tiếng:

- Cái tên sao khó nghe làm vậy, chắc người tiện mồm đặt ra chứ gì. Cây hoa đẹp dễ như thế, sao lại giống gã thư sinh thi hỏng?
- Phu nhân thử nhìn lại xem, cây hoa này cả thảy tất cả mấy màu.

Wương phu nhân nói:

- Ta đã đếm qua, cũng phải có đến mười lăm, mười sáu màu khác nhau.

Đoàn Dự nói:

- Cả thảy đúng ra là mười bảy màu. Đại Lý có một loại hoa quý giá nổi tiếng tên gọi Thập Bát Học Sĩ. Đó là thiên hạ cực phẩm, trên cây có đủ mười tám đóa hoa, mỗi đóa một màu khác nhau, hồng thì toàn hồng, tía thì toàn tía, không một mảy lẫn lộn. Nhưng cả mười tám đóa hoa mỗi đóa hình trạng khác nhau, mỗi đóa một vẻ, nở thì cùng nở, tàn thì cùng tàn, phu nhân đã thấy bao giờ chưa?

Wương phu nhân nghe qua thần thờ, lắc đầu:

- Trên đời này lại có loại hoa như thế sao? Đến nghe nói tới ta cũng chưa nghe bao giờ.

Đoàn Dự nói:

- So với Thập Bát Học Sĩ kém một mức là Thập Tam Thái Bảo là mười ba đóa hoa khác nhau trên cùng một cây. Rồi đến Bát Tiên Quá Hải là tám đóa khác nhau một cây. Thất Tiên Nữ là bảy đóa. Phong Trần Tam Hiệp là ba đóa. Nhị Kiều là một trắng một đỏ hai đóa. Nói đến hoa trà là phải thuần sắc, nếu như trong đó có lẫn trắng, trong trắng lẫn tía thì là hạ phẩm rồi.

Wương phu nhân bỗng nhiên đỡ dãn, nhìn về xa xăm, nói một mình:

- Sao y không nói cho ta biết nhỉ?

Đoàn Dự nói tiếp:

⁴ 落第秀才, thư sinh thi hỏng

- Trong Bát Tiên Quá Hải có cả hoa màu tía sậm và màu hồng nhạt, đó là Lý Thiết Quài và Hà Tiên Cô, nếu thiếu hai màu đó, dù là tám màu khác nhau cũng không được gọi là Bát Tiên Quá Hải mà gọi là Bát Bảo Trang, tuy cũng là danh chủng nhưng so với Bát Tiên Quá Hải còn thua một bậc.

Vương phu nhân nói:

- Nguyên lai như thế.

Đoàn Dự lại tiếp:

- Trở lại Phong Trần Tam Hiệp cũng có chính phẩm và phó phẩm. Nếu là chính phẩm, trong ba đóa thì đóa màu tía phải to nhất, đó là Cầu Nhiêm Khách, đóa màu trắng nhỏ hơn, đó là Lý Tịnh, đóa màu hồng nhỏ nhất nhưng cũng kiêu diễm nhất đó là Hồng Phát Nữ. Nếu như hoa màu hồng lại to hơn hoa màu tía, hoa màu trắng thì là phó phẩm, hai đặng một trời một vực.

Người ta đã bảo quen thuộc như đồ trong nhà mình. Trong nhà Đoàn Dự có tất cả những loại này nên chàng nói ra vanh vách đâu ra đấy. Vương phu nhân nghe thật thích thú thở dài:

- Đến phó phẩm ta cũng chưa được nhìn qua nói gì chính phẩm !

Đoàn Dự chỉ vào cây hoa trà ngũ sắc nói:

- Còn loại hoa trà này, nếu luận về sắc so với Thập Bát Học Sĩ còn kém một, lại không thuần, nở thì khi sớm khi muộn, hoa thì đóa nhỏ đóa to. Chẳng khác gì Đông Thi giả nhân mặt, học đòi làm Thập Bát Học Sĩ thì không xong, có khác gì rượu xoàng uống chua như giấm. Vì thế chúng tôi đặt cho cái tên Lạc Đệ Tú Tài.

Vương phu nhân không nhịn được bật cười nói:

- Cái tên ấy sao vừa chanh chua, vừa khắc bạc, hẳn là do đám nho sinh đặt ra.

Đến lúc này, Vương phu nhân đã mười phần tin tưởng vào sự thành thực về các loại trà hoa của Đoàn Dự bèn dẫn chàng lên trên Vân Cẩm Lô. Đoàn Dự thấy trên lầu trổ thiết sang trọng đẹp đẽ, giữa là một bức trung đường vẽ cảnh không tước khai bình, hai bên là hai câu đối trên viết:

漆葉雲差密 ,

茶花雪妬妍。

Tất diệp vân sai mật,

Trà hoa tuyết đồ nghiên

Lá rậm xem chừng mây khó kịp

Hoa tươi quả thực tuyết ghen thâm

Chẳng bao lâu tiệc rượu bắt đầu, Vương phu nhân mời Đoàn Dự ngồi bên trên, còn mình ngồi bên dưới để bồi tiếp. Những món ăn trong tiệc hôm nay thật khác xa bữa tiệc A Châu, A Bích khoản đãi. Những món ăn hai cô a hoàn thanh nhã là chính trong những món thật tầm thường có ẩn những nét tinh xảo công phu. Bữa tiệc ở Vân Cẩm Lô hôm nay thì lại chủ về hào hoa trân quý, nào là bàn tay gấu, vây cá đều toàn những món cực kỳ sang

trọng. Thế nhưng Đoàn Dự sinh trưởng nơi chốn đế vương, những món quý báu đến mấy cũng đã ném qua nên lại thấy bữa tiệc ở Mạn Đà Sơn Trang so ra kém xa ở nơi Cẩm Vân Tiêu Trúc.

Rượu được ba tuần, Vương phu nhân hỏi:

- Họ Đoàn Đại Lý là thế gia trong võ lâm, cơ sao công tử không tập võ?

Đoàn Dự đáp:

- Người họ Đoàn ở Đại Lý đông lắm, con cháu hoàng tộc tông thất thì đều có tập, còn như văn sinh là dân dã tầm thường thì làm gì biết võ công.

Chàng nghĩ mình sống chết ở trong tay người, bệ rạc như thế, thật chẳng nên thổ lộ chân tướng gia thế làm gì để khỏi làm giảm uy danh của bá phụ và gia gia. Vương phu nhân hỏi tiếp:

- Công tử con nhà bách tính tầm thường hay sao?

Đoàn Dự đáp:

- Vâng!

Vương phu nhân hỏi tiếp:

- Thế công tử có biết được người nào họ Đoàn trong hoàng thất hay không?

Đoàn Dự một mực chối phăng:

- Tuyệt nhiên không biết.

Vương phu nhân chờ đợi hồi lâu rồi xoay qua đề tài khác, nói:

- Mới đây được công tử đàm luận về các phẩm chủng hoa trà, khiến cho ta như được vén đám mây mù, nhìn thấy trời cao. Bốn chậu bạch trà lần này kiếm được, kẻ trồng hoa trong thành Tô Châu bảo là Mãn Nguyệt, công tử lại bảo một chậu là Hồng Trang Tố Lý, còn một chậu là Trảo Phá Mỹ Nhân Kiếm, làm thế nào phân biệt, xin nói cho rõ, được chăng?

Đoàn Dự đáp:

- Cây hoa trắng lớn nhưng lấm tấm có chấm đen kia thì gọi là Mãn Nguyệt. Những vệt đen đó là cành quế nơi cung trắng. Cây hoa cánh trắng có hai đốm hình quả trám màu đen kia tên gọi là Nhân Nhi Mị⁵.

Vương phu nhân mừng quá nói:

- Cái tên đó nghe thật hay.

Đoàn Dự nói tiếp:

- Cánh hoa trắng nhưng có lằn sắc đỏ tên gọi là Hồng Trang Tố Lý. Còn cánh trắng nhưng có quầng màu xanh, thêm vạch mờ mờ màu đỏ thì gọi là Trảo Phá Mỹ Nhân Kiếm. Thế nhưng nếu những vạch đỏ đó có nhiều thì lại không còn là Trảo Phá Mỹ Nhân Kiếm nữa mà là Ý Lan Kiều⁶. Phu nhân thử nghĩ xem, đã là mỹ nhân thì phải ôn tình nhàn nhã, trên mặt thỉnh thoảng bị sước một đường hằn là khi chải đầu soi gương vô tình cào phải mặt, hoặc giả không phải do mình thì cũng chỉ chơi đùa với con anh vũ, bị

⁵ 眼兒媚, mắt đưa tình, mắt đắm đuối

⁶ 倚欄嬌, người con gái đẹp tựa vào lan can

chim quẹt trúng âu cũng là chuyện thường. Thành thử vết chàm trên cánh hoa kia không thể không có, đó là lông chim vương phải. Còn như nếu đây mặt chỗ nào cũng tươm máu thì nàng con gái đẹp kia hẳn đã đánh nhau với ai, như thế còn gọi là đẹp nổi gì?

(Thiên Long Bát Bộ, quyển 2 tr 495-498, bản dịch Nguyễn Duy Chính)

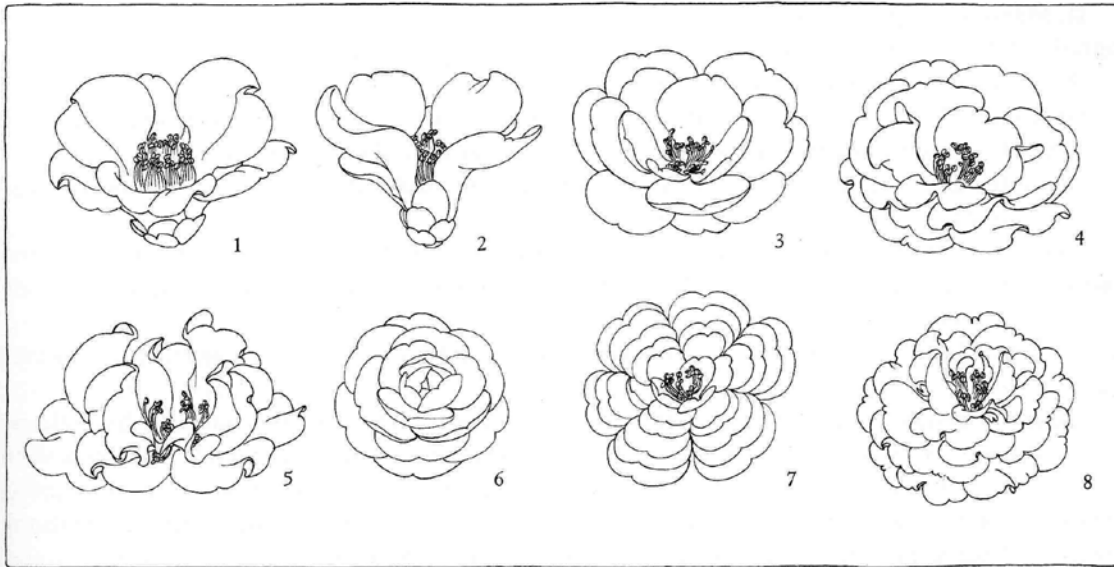


ĐÈN THỰC TẾ

Các chủng loại

Theo Stirling Macoboy trong cuốn *Toàn Thư về Trà Hoa – The Illustrated Encyclopedia of Camellias* (Oregon: Timber Press, 1998) thì trà hoa có đến 42 chủng loại (species) và mỗi loại lại có nhiều giống (varieties) khác nhau.

Các giống sơn trà được nhiều người biết đến thường có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới (subtropical) tại Đông và Nam Á Châu - chủ yếu là Trung Hoa, Hải Nam, Đài Loan và Đông Nam Á – thuộc họ nhà trà (tea plant) có cái tên khoa học là Theaceae, cây xanh lá quanh năm (evergreen), mọc thấp, cao khoảng 3 đến 4 thước, thân trơn, lá bóng (glossy) hình bầu dục hoặc hơi tròn, cạnh có răng cưa. Hoa mọc ở trên đầu cành hay nảy ngang lá có thể đỏ, trắng, vàng, tía ...



Các loại cánh hoa

- 1: hình kèn 2: hình hoa một lan 3: hình hoa sen 4: hình dợn sóng
5: hình cánh bướm 6: hình hoa hồng 7: hình tia đồng tâm 8: hình mẫu đơn

Yunnan Camellias of China, tr. 25

Họ Theaceae chia ra khoảng chừng 16 phân chi trong đó Camellia là phân chi duy nhất được trồng làm cây cảnh. Tuy nhiên Camellia cũng có rất nhiều nhánh khác nhau, mỗi nhánh có một số đặc tính chuyên biệt, chẳng hạn như loại *C. vietnamensis* ở Đông Dương thì có khoảng 30 giống. Chỉ có một vài loại đặc biệt mọc trên các vùng núi cao Hi Mã Lạp Sơn, Nepal và Sikkim và riêng loại *C. lanceolata* thì mọc tại bán đảo Mã Lai.⁷ Tuy nhiên, phần lớn những giống hoa đó là những cây mọc hoang, chỉ xuất hiện trong sách về thảo mộc mà không phải là những loại hoa được gây trồng, lai tạo nhằm mục đích ra hoa.

⁷ Macoboy: sđd tr. 13



Đại Lý Trà

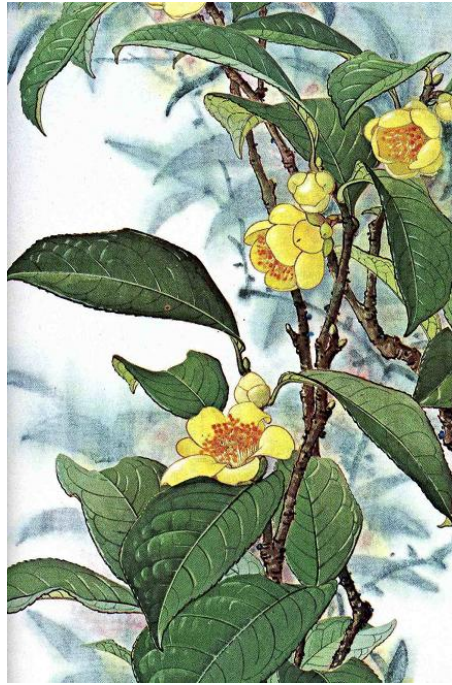
Yunnan Camellias of China, tr. 98

Trong những loại sơn trà được trồng để làm cảnh, thông dụng và đa dạng hơn cả là *Camellia japonica* Lind. (Nhật Bản sơn trà - 山茶), *Camellia reticulata* Lindl. (Vân Nam sơn trà - 雲南山茶), *Camellia sasanqua* Thumb (trà mai - 茶梅), *Camellia petelotii* Sealy (kim hoa trà - 金花茶), *Camellia chrysantha* Tuyama (cúc trà - 菊茶), *Camellia pitardii* Cohen Stuart (tây nam sơn trà - 西南山茶), *Camellia Saluenensis* Stapf ex Bean (Nộ Giang sơn trà - 怒江山茶), *Camellia hiemalis* Nakai (đông hồng sơn trà - 冬紅山茶) và *Camellia forrestii* Cohen Stuart (Mông Tự liên nhị trà - 蒙自連蕊茶).

Tuy nhiên, hầu hết các sách vở chỉ nhấn mạnh đến hai giống hoa chính:

- *Camellia japonica* là những giống hoa trà mà người Tây Phương gây giống từ các cây hoa ở Nhật Bản (nhưng thực ra cũng có gốc từ lục địa).
- *Camellia reticulata* là các loài hoa trà nguyên thủy từ Vân Nam, Trung Hoa.

Trong bài này, chúng tôi chỉ đề cập sơ qua về *Camellia japonica* và chú trọng nhiều hơn đến *Camellia reticulata* là loại sơn trà mà người Trung Hoa coi như một đặc sản của họ. Những chủng loại đó đến nay một số vẫn chưa phổ biến ra ngoài mặc dù với phương pháp trồng tỉa và gây giống tân kỳ, số lượng các loại sơn trà trên thế giới vượt xa số sơn trà hiện hữu tại Trung Hoa và nhiều giống mới còn rục rờ hơn sơn trà tại Vân Nam. Chủ điểm của nghiên cứu này cũng để tìm câu trả lời về những loại kỳ hoa mà Kim Dung đã miêu tả.



Camellia chrysantha

Yunnan Camellias of China, tr. 135

Camellia japonica

Camellia japonica Linn. thường được gọi là sơn trà (Nhật Bản), còn có tên là hải lựu, hải thạch lựu, ngọc minh, nại đông, xuyên trà, mạn đà la (曼陀羅), tâu xuân (藪春), sơn thung (山椿), dương trà ... Những nghiên cứu mới đây cũng khẳng định có đến 75% các giống hoa trà Nhật Bản nguồn gốc từ Trung Hoa. Người ta còn gọi *Camellia japonica* là hoa trà cổ điển vì đây là giống hoa người Âu Châu trồng trong một thời gian dài khi chưa ai biết đến những giống sơn trà khác ở Vân Nam.

Người Âu Châu khi sang Trung Hoa cũng gặp giống sơn trà *Camellia japonica* trồng ở nhiều nơi phía nam sông Dương Tử (Trường giang) như Chiết Giang, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, Vân Nam, Tứ Xuyên và một số tỉnh bắc Trường Giang như Sơn Đông, An Huy, Giang Tây. Thành thử họ vẫn nghĩ sơn trà chỉ có một giống này mà thôi.

Camellia japonica là loại sơn trà đa dạng nhất – có đến 30,000 cultivars (dùng phương pháp thảo mộc học để biến hoá) mà không một loại cây cỏ nào sánh kịp. Sơn trà Nhật Bản cũng to nhỏ khác biệt, có giống chỉ nhỏ chừng 4 cm nhưng cũng có loại lớn bằng cái tô, đủ các hình dáng và màu sắc, có thể mọc tại nhiều vùng khí hậu, từ bán nhiệt đới (subtropical) như Đài Loan đến những nơi lạnh buốt ở bắc Trung Hoa. Hầu hết sách vở viết về sơn trà của Tây phương đều dành cho *Camellia japonica* một chú trọng đặc biệt, coi như phần bộ chính yếu.



Sandy Sue

Stirling Macoboy: *The Illustrated Encyclopedia of Camellias*, tr. 174

Khi truyền qua Nhật Bản, vì nở vào cuối mùa đông lại màu sắc rực rỡ nên người Nhật đã biến sơn trà thành một trong những biểu trưng (emblem) của đất nước họ, mang những đặc tính của thần Thái Dương (Goddess of the Sun). Đền thờ Thái Dương thần nữ ở Ise nằm giữa một rừng sơn trà và hoàng đế Nhật Bản khi hành lễ nghinh xuân cũng dùng một cành hoa trà.

Gỗ cây trà khi đốn xuống cũng được dùng trong những vật dụng khá đặc biệt và dầu trà (tsubaki oil) lấy từ hạt rất được ưa thích và quý trọng.

Tuy được biết đến từ thế kỷ thứ VII nhưng sơn trà chỉ thực sự phổ thông và được người Nhật ưa chuộng từ thời đại Muromachi (1333-1568). Chính từ thời này, hoa trà được trồng và tía xén, gây giống để trở thành một ưa chuộng đặc biệt cho thi nhân, hiệp sĩ.

Khi nước Nhật thoát ra khỏi vòng bế quan toả cảng để tiếp nhận văn minh Tây phương, người ta lại quay sang những giống hoa từ bên ngoài (chẳng hạn như hoa hồng) khiến sơn trà bị rơi vào quên lãng. Tới gần đây, hoa

trà lại được khôi phục và nhờ vào những kỹ thuật mới, nhiều loại (cultivars) mới được thêm vào và loài hoa quý tộc này lại trở thành quốc bảo, cũng như được trọng vọng như nghệ thuật uống trà của xứ Phù Tang.

Macoboy bảo rằng nếu ai thấy hoa trà Nhật Bản chưa đủ để thoả mãn thì quả là người khó tính (hard to please).

Camellia reticulata hay Đền trà

冷絕爭春喜爛然，
山茶按譜甲于滇。
樹頭萬朵齊吞火，
殘雪燒紅半個天。

釋普荷 (明)

Lãnh tuyết tranh xuân hỉ lạn nhiên,
Sơn trà án phổ giáp vu Đền.
Thụ đầu vạn đoá tề thôn hoả,
Tàn tuyết thiêu hồng bán cá thiên.

*Hết lạnh chào xuân bưng hỉ khí,
Sơn trà nổi tiếng khắp vùng Đền.
Tàn cây sáng rực như bùng lửa,
Một trời đua nở vạn hoa chen.*
Thích Phổ Hà



Liêu Diệp Ngân Hồng

Yunnan Camellias of China, tr. 47

Camellia reticulata Lindley cao từ 5 đến 10 mét, cành lá xum xê, hoa lớn chịu được lạnh, còn được gọi dưới những tên Điền Sơn Trà (Điền là tên thường gọi của đất Vân Nam), Nam Sơn Trà (Southern Mountain Camellia), Hải Thạch Lựu (Pomegranate of the Sea), Hồng Sơn Trà, Đẳng Hoa ... Chính vì có nhiều giống đẹp nên loại hoa trà này được cổ nhân ưa chuộng và đặt ra nhiều truyền thuyết thần kỳ.

Hoa trà được trồng từ hơn 1300 năm trước, thịnh hành vào khoảng thời Tuỳ Đường và trở nên thông dụng vào thời Tống, Nguyên, Minh nhưng vẫn chỉ thu hẹp trong phạm vi địa phương. Mãi đến thế kỷ thứ XIX, cái tên hoa trà Vân Nam (Yunnan camellia hay *Camellia reticulata* Lindley) mới được đặt tên và thế giới biết tiếng.

Sơn trà mọc nhiều nhất ở vùng nam và tây nam Trung Hoa - chủ yếu là ở Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông - và càng xa trung tâm càng thưa dần. Vân Nam nằm ở tây nam Trung Hoa, là một khu vực nhiều núi non, lắm sông ngòi, ghềnh thác trên nhiều độ cao khác nhau, mưa nhiều và khí hậu thay đổi tùy địa phương. Chính vì thế cây cỏ vùng Vân Nam phong phú, nhiều loại thảo mộc và thú hoang rất giống với vùng núi non ở tây bắc nước ta.

Sơn trà là loại cây ưa bóng râm, thích hợp nơi những khu rừng lá to bản (broadleaf), xanh quanh năm (evergreen) ở vùng bán nhiệt đới (subtropical zone). Qua một thời gian dài tự pha giống và thay đổi tự nhiên theo điều kiện sinh sống, nhiều chủng loại nảy sinh và phong phú đủ màu sắc. Cho đến nay, riêng tại Trung Hoa người ta biết có ít nhất 500 loại trong 30 nhóm khác nhau, trong đó riêng họ *Camellia* đã có bốn chi bao gồm hơn 200 loại. Còn loại Theaceae thì khoảng 90% mọc tại vùng tây nam nước Tàu.

Hoa trà Vân Nam được liệt vào một trong mười loại hoa chính của Trung Hoa và được nhiều người trồng làm cây cảnh. Những loại sơn trà thông dụng nhất có Bồ Môn (蒲門), Tịnh An

(靖安), Ngân Hồng Điệp Sí (銀紅蝶翅), Tuyết Kiều (雪嬌), Hồng Mã Nảo (紅瑪瑙), Hận Thiên Cao (恨天高), Mẫu Đơn Trà (牡丹茶), Ngân Phấn Triều Dương (銀粉朝陽) ...⁸ Riêng *Camellia petelotii* (Merr.) Sealy, với tên Trung Hoa là Kim Hoa Trà (金花茶), màu vàng sáp, mọc trong rừng tỉnh Quảng Tây nơi độ cao từ 75 đến 300 mét và được ban mỹ danh Kim Sắc Hoàng Hậu (Golden Queen).

Người Trung Hoa vẫn tự hào hoa trà của họ đứng đầu thế giới và đặt cho đất Vân Nam cái tên “*Treasurehouse of the plant kingdom*”. Trong số 120 chủng loại vẫn được coi là thổ sản của Trung Hoa thì 66 giống đã truyền ra bên ngoài mà nhiều nhất là qua Mỹ (50 loại), kể đến là Nhật Bản (9 loại), New Zealand (4 loại)⁹. Những giống đó lại được các nhà thảo mộc học Tây phương lai tạo khiến cho ngày hôm nay số lượng (đã được đặt tên) lên đến trên 5000 loại khác nhau. Người Trung Hoa cũng nhập cảng lại một số giống đẹp từ bên ngoài mà họ chưa có.

Tuy không còn độc tôn về hình dáng và màu sắc của sơn trà, người Trung Hoa vẫn tự hào về một điểm mà các quốc gia khác không thể có được. Trong thành thị cũng như trên các rừng núi hoang vu ở Vân Nam người ta còn tìm thấy nhiều cây cổ thụ, có cây đến 5, 600 năm đánh dấu thời kỳ các tầng lớp quý tộc ưa chuộng loại hoa rực rỡ này.



Ngọc Mẫu Đơn

Camellias of China, tr. 136

⁸ Bàn Kim Hồ: *Trung Quốc Trà Hoa* (*Camellias of China*) (Bắc Kinh: Trung Quốc thế giới ngữ xb xã, 1995) tr. 12

⁹ Appendix III: *List of Yunnan Camellia Cultivars*, Kunming Institute of Botany Academia Sinica, *Yunnan Camellias of China* (Beijing: Science Press, 1986) tr. 163-6

Hiện nay trên thế giới có nhiều vườn hoa trà với đủ mọi giống mới và cũ nơi những vùng khí hậu ẩm áp tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Ý, Tân Tây Lan và Úc Đại Lợi. Riêng tại nam California, chúng ta có thể thưởng ngoạn hoa trà, hoa lan, hoa hồng vào cuối mùa đông và đầu mùa xuân. Vườn hoa trà tại Huntington Library, thành phố San Marino có đủ mọi giống chính trên thế giới, là một thắng cảnh quyến rũ nhiều du khách.

Hoa trà Vân Nam trong sách vở

惊醒唐梅睜眼倦

襯陪宋柏倍姿雄

郭沫若

Kinh tỉnh Đường mai tranh nhãn quỵện,

Sấn bồi Tống bách bội tư hùng.

Quách Mạt Nhược

Mai Đường trợn mắt khi chòàng tỉnh,

Bách Tống thua xa đến bội phần.

Tại Trung Hoa, sơn trà trước kia có tên là hải lựu (海榴), đã được người ta trồng từ đời Đường nhưng từ đời Tống trở về sau cái tên sơn trà mới trở nên thông dụng. Trong các sách *Toàn Phương Bị Toả* (全芳備祖) của Trần Cảnh Nghi (陳景沂), *Bản Thảo Cương Mục* (本草綱目) của Lý Thời Trân (李時珍) đời Minh, *Hoa Sử* (花史) của Ngô Ngạn Khuông (吳彥匡), *Hoa Sơ* (花疏) của Vương Thế Mậu (王世懋), *Quần Phương Phổ* (群芳譜) của Vương Tượng Tấn (王象晉) ... đều đã có viết rất kỹ lưỡng về hoa trà kể cả vẽ hình, phân loại, công dụng và cách trồng. Hoa trà cũng là một đề tài được văn nhân ca tụng và ngâm vịnh.

Đời Đường, thi nhân Trương Tịch (張籍) (khoảng 767 – 830) thích sơn trà đến nỗi định đòi một người thiếp lấy một cây hoa.

Từ đời Tống, việc giao lưu giữa các quốc gia miền Nam và trung nguyên tương đối phát triển nên trong văn chương đã ít nhiều nhắc đến hoa trà. Câu thơ của Dương Vạn Lý (楊萬里) (1124-1206 TL) mà nhiều người nhắc đến “*ngộ khanh tu tuý đảo*” (gặp khanh – tức hoa trà – ta say sưa như muốn ngã) nói lên tính chất si mê của nhà thơ với loại hoa kiêu diễm này.

Qua đời Minh, nước Trung Hoa kế thừa lãnh thổ của nhà Nguyên nên bao gồm cả Đại Lý, người Hán di cư và sang buôn bán khá đông nên hoa trà đã thành thông dụng. Vương Thế Mậu¹⁰ (王世懋) (1536–1588) viết trong *Hoa Sơ* (花疏): “*Sơn trà còn quý hơn châu báu. Hoa trà Tứ Xuyên là một loại hoa lớn, đở rục rở có nhiều cánh. Vân Nam là nơi nổi tiếng về giống hoa này*”. Họ Vương cũng viết trong *Mân Sơ* (閩疏): “*Sơn trà Vân Nam màu tươi hơn và cũng quyến rũ hơn châu trà. Hoa to hơn cái bát, cánh hoa xếp chồng lên nhau đẹp không kém gì mẫu đơn*”.

Theo *Trà Hoa Bách Ngâm Thi* của Đặng Mỹ (鄧漢), một bài thơ vào thế kỷ XVI thì hoa trà chỉ được biết đến trong văn chương vào khoảng đời Đường vì một lý do dễ hiểu – hoa trà là thổ sản của nước Đại Lý, một khu vực ngoài Trung Quốc. Chính vì thế, trong một thời gian khá lâu, ngoài các sắc dân địa phương, người ngoài ít ai biết đến loại hoa đẹp đẽ này và trong lịch sử Trung Hoa cũng không thấy nhắc đến. Ông viết:

Điền trà ở khắp nơi, rất nhiều chủng loại, có đến 72 giống... Quả là kỳ quan của trời đất, một phẩm vật cực kỳ mỹ lệ ...

Đặng Mỹ viết hai bài thơ ca tụng hoa trà – *Trà Hoa Bách Ngâm Thi* đã nhắc ở trên và *Thập Đức* nói về 10 đức tính của hoa trà:

- Thứ nhất là quyến rũ mà không lẳng lơ,
- Thứ nhì là trường thọ, có những cây đã 2 – 300 năm mà trông như mới trồng,
- Thứ ba là thân cao vút, có khi cao tới 17 mét,
- Thứ tư là vỏ cây sẫm và ẩm trông như đồ cổ,
- Thứ năm là cành cây uốn khúc như con rồng,

¹⁰ danh sĩ đời Gia Tĩnh, em của Vương Thế Trinh, thích nghiên cứu về cây cỏ và cách trồng tía.

- Thứ sáu là rễ cây có hình dáng lạ lùng trông như bức bình phong,
- Thứ bảy là lá rậm như màn che,
- Thứ tám là chịu được sương tuyết và xanh lá quanh năm,
- Thứ chín là hoa nở vào những thời kỳ khác nhau và kéo dài đến tận cuối tháng hai,
- Thứ mười là hoa trà cắt xuống để trong bình có thể kéo dài được mười ngày. Hoa còn nụ cũng nở.

Sách *Tiền Xác Loại Thư* (潛确類書) viết:

Son trà có mấy loại nhưng Điền trà là hạng nhất, lớn bằng cái bát, đỏ như máu, giữa vum lên như mào con hạc.

Sử Cảnh (史謹) đời Minh Hồng Võ trong bài thơ *Cung Trúc Tự Khán Sơn Traø* (筇竹寺看山茶) ca ngợi:

雪後園林張繡幄，

雨余顏色醉丹砂。

Tuyết hậu viên lâm trương tú ác,

Vũ dư nhan sắc túy đơn sa.

Sau tuyết trong vườn treo trướng gấm,

Mưa xong một vẻ đỏ như son.

Bài *Son Trà Hoa* (山茶花) của Dương Thận (楊慎) (1487-1559) đời Vạn Lịch nổi tiếng với những câu sau đây:

綠葉紅英斗雪開，

黃蜂粉蝶不曾來。

海邊珠樹無顏色，

羞把瓊枝照玉臺。

Lục diệp hồng anh đấu tuyết khai,
Hoàng phong phấn điệp bất tăng lai.

Hải biên châu thụ vô nhan sắc,

Tu bả quỳnh chi chiếu ngọc đài.

*Lá xanh bông thắm giữa trời tuyết,
Ong vàng bướm trắng chưa kịp vọc.*

*Cây báu góc biển đâu sánh bằng,
Cốt sao cành biếc rọi đài ngọc.*

Ngoài ra ông cũng ca tụng hoa trà trong bài *Điền Nam Nguyệt Tiết Từ* (滇南月節詞) :

正月滇南春光好，
山茶處處齊開了；
艷李妖桃都壓倒。
裝點好，
園林處處紅雲島。

Chính nguyệt Điền Nam xuân quang hảo,
Sơn trà xú xú tề khai liễu;
Diễm lý yêu đào đô áp đảo.
Trang điểm hảo,
Viên lâm xú xú hồng vân đảo.
*Tháng giêng xuân đất Điền Nam,
Sơn trà muôn vẻ nở tràn khắp nơi.
Dù cho đào lá mận lời,
Cũng chưa sánh được một nơi hoa trà.
Vườn cây trang điểm muôn nhà,
Phủ lên những cụm mây sa đỏ hồng.*

Lý Thời Trân (李時珍), nhà thảo dược học đời Minh trong *Bản Thảo Cương Mục* viết về sơn trà như sau:

山茶產南方。樹生。高者丈許。枝幹交加。葉頗似茶葉。而厚硬有稜。中闊頭尖。面綠背淡。深冬開花。紅瓣黃蕊。

Sơn trà sản nam phương. Thụ sinh. Cao giả trượng hứa. Chi cán giao gia. Diệp phả tự trà diệp. Nhi hậu ngành hữu lãng. Trung khoát đầu tiêm. Diện lục bồi đậm. Thâm đông khai hoa. Hồng biện hoàng nhụy.

Sơn trà là thảo sản của phương nam, cây cao đến hơn một trượng (khoảng 3.3 mét). Cành cây và lá đan vào nhau. Lá trông giống như lá trà, nhưng dày và cứng cáp hơn. Lá bầu ở

giữa, nhọn trên đầu, trên màu xanh thẫm, dưới nhạt hơn. Sơn trà nở hoa vào cuối mùa đông, cánh hoa đỏ nhụy màu vàng.

Địa lý gia Từ Hoàng Tổ ¹¹ (徐弘祖) (1586 – 1641) viết trong *Diễn Trung Hoa Mộc Ký* (滇中花木記):

Hoa thảo vùng Vân Nam đều đặc biệt nhất là sơn trà và đỗ quyên (rhododendrons).

Vương Tượng Tấn (王象晉) trong *Quần Phương Phổ* (群芳譜) viết:

Sơn trà còn gọi là Mạn Đà La có thể cao đến hơn một trượng. Những giống thấp cao cũng hai, ba thước (khoảng 1m). Cành đan chéo nhau, lá trông giống như mộc tê chúc (osmanthus - 木犀屬). Lá cứng có răng cưa, hơi dày, ở giữa khoảng 3 cm, chiều dài khoảng 10 cm. Hai đầu đều nhọn. Lá màu xanh thẫm ở trên và nhạt hơn ở dưới, không rụng về mùa đông. Không những lá trông giống là trà mà nếu nấu lên làm thức uống thì cũng gọi là trà. Hoa sơn trà có nhiều loại, mùa ra hoa từ tháng 10 đến tháng 2. Có một loại tên là Hạc Đỉnh Trà to như hoa sen, đỏ như máu. Giống đó gốc chính ở Vân Nam nên còn gọi là Vân Nam sơn trà ... Bảo Châu Trà cây đầy những nụ, khi hoa nở mấy tháng sau, trông đỏ rực và rất đáng yêu. Chúng tôi nghe nói có những cây cổ trà cao đến 10 mét ở Vân Nam mỗi lần ra cả nghìn bông hoa, đẹp hơn mẫu đơn. Quả thực quýển rữ không sao tả được ...

Cuối đời Minh, nhà thơ Đạm Đương (擔當) tức nhà sư Thích Phổ Hà ca tụng hoa trà, trong thơ có hai câu:

樹頭萬朵齊吞火，

殘雪燒紅半個天。

Thụ đầu vạn đoá tề thôn hoả,
Tàn tuyết thiêu hồng bán cá thiên.

Tàn cây sáng rực như bùng lửa,

Một trời đua nở vạn hoa chen.

Sang đời Thanh thơ văn ca tụng sơn trà càng nhiều. Bộ sách quan trọng nhất là *Vân Nam Thông Chí* (雲南通志) của Nguyễn Nguyên (阮元) và *Vân Nam Bị Trưng Chí* (雲南備徵志) của

¹¹ tự Chân Chi (振之), hiệu Hà Khách (霰客) người Giang Tô, là một học giả thích du khảo đi nhiều và ghi chép rất kỹ lưỡng những nơi ông đặt chân đến, soạn thành sách *Hà Khách Du Kỳ*.

Vương Tùng (王崧) năm 1831, *Diễn Hải Ngu Hoàn Chí* (滇海虞衡志) của Đan Tuy (檀萃) năm 1896 đều có chép về sơn trà.

Sau cách mạng Tân Hợi 1911, bộ sách *Diễn Nam Trà Hoa Tiểu Chí* (滇南茶花小志) của Phương Thụ Mai (方樹梅) gồm ba quyển ghi chép rất nhiều văn thơ viết về sơn trà từ đời Minh, trong đó cũng ghi 72 danh chủng, nhiều loại còn trồng ở Vân Nam như Sư Tử Đầu, Bảo Châu Trà, Mẫu Đơn Trà, Tử Bào, Hận Thiên Cao ...

Ngày nay, hơn 100 danh chủng sơn trà Vân Nam đã được sưu tầm và trồng nơi các công viên tại nhiều thành phố lớn như Bắc Kinh, Vũ Hán, Thượng Hải, Hàng Châu, Quảng Châu, Quế Dương ... Hai kỳ triển lãm qui mô năm 1954 và 1963 của chính quyền Trung Quốc tại Côn Minh đã trưng bày hơn 2000 chậu hoa đủ mọi loại.

Quách Mạt Nhược, một thi sĩ nổi tiếng của Trung Hoa đầu thế kỷ XX khi đến Vân Nam đã cảm tác một bài thơ như sau:

艷說茶花是省花，
今來始見滿城霞。
人人都道牡丹好，
我道牡丹不及茶。

Diễm thuyết trà hoa thị tỉnh hoa,
Kim lai thủy kiến mãn thành hà.
Nhân nhân đô đạo mẫu đơn hảo,
Ngã đạo mẫu đơn bất cập trà.

*Vẫn tưởng hoa trà ưa kẻ chợ,
Đến nay mới thấy khắp mọi thôn,
Mẫu đơn ai nấy đều ca tụng,
So với hoa trà liệu đã hơn.*

Các cổ thụ

Người Trung Hoa có câu: “*Hoa trà Vân Nam là loại hoa hiếm và quý nhất thiên hạ*” và hiện nay người ta vẫn tìm thấy những cây cổ thụ. Theo thống kê sơ khởi, trên toàn cõi Trung Hoa hiện nay còn khoảng hơn 200 cây trên 100 tuổi - trong rừng sâu cũng như nơi đền chùa, miếu mạo, công viên và nhà dân - hằng năm vẫn ra hoa, thu hút du khách. Những loại cổ thụ đó không giống như hoa trà chúng ta trồng trong vườn.¹²

Riêng tại Vân Nam, Côn Minh từ trước tới nay vẫn được coi là trung tâm của chính trị, văn hoá và kinh tế. Ngoài Côn Minh, cổ thành Đại Lý ở phía tây Vân Nam cũng là một trung tâm của các danh chủng hoa trà.



Vạn Đoá Trà, cây cổ thụ 500 tuổi

Yunnan Camellias of China, tr. 6

Theo tài liệu trong *Yunnan Camellias of China* (từ trang 7 đến 9) thì tại Vân Nam còn những cây cổ thụ sau đây:

¹² Ở Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông nơi Hạ Thanh Cung còn một cây trà hoa thuộc loại Nại Đông Trà (耐冬茶) tương truyền do Trương Tam Phong trồng thời Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh. Cây trà này khoảng 600 tuổi, cao 8.9 mét, thân cây hơn 1 mét. Ở Sở Hùng, trên núi Tử Khê độ cao 2300 mét cũng có một cây hoa cổ thụ, ghép hai giống Tử Khê (Zixi Camellia) và Đông Tử Diện (Baby Face Camellia) trên cùng một gốc, tính ra cũng khoảng 650 tuổi. Cứ đến mùa đông và mùa xuân, cây ra hai loại hoa hồng và trắng cùng một lượt, kéo dài 5 tháng liền.

1/ Sur Tử Đầu

Đây là loại thông dụng nhất thời xưa, được trồng không phải chỉ ở Côn Minh mà ở cả các vùng lân cận như Tấn Ninh (晉寧), An Ninh (安寧), Võ Định (武定), Nghi Lương (宜良) ... Huyện An Ninh, có hai cây Sur Tử Đầu cao 7 mét, tàn xòe ra rộng tới 20 mét vuông và gốc cây khoảng 37 cm, ước độ 600 tuổi và một cây khác cao 10 mét, tàn rộng 54 mét vuông, thân dưới gốc 60 cm không biết có từ thời nào. Ở phía bắc huyện Côn Minh có hai cây tương truyền đã trên một thế kỷ.

2/ Tùng Tử Lân

Ở Vân Nam, nơi chùa Bàn Long, Tấn Ninh cũng còn một cây tùng tử lân (松子鱗) cao 10 mét, thân 52 cm đã hơn 600 tuổi nhưng vẫn nở đầy hoa màu hồng chẳng khác gì một đám mây buổi sáng. Trước đây ở phía tây Côn Minh còn một cây nữa tương truyền do chính tay vua Kiến Văn nhà Minh trồng nhưng khi cây này chết năm 1961, các nhà thảo mộc học đo các vòng tăng trưởng thì chỉ mới 129 năm.

3/ Mẫu Đơn Trà

Tại huyện Nghi Lương có một cây cao 4 mét, đường kính 55 cm tương truyền trồng từ đời Thanh nhưng vì không chăm sóc kỹ lưỡng nên đã chết.

4/ Tảo Đào Hồng

Hiện nay còn một cây trồng trong công viên Hắc Long Đàm ở Côn Minh cao 10 mét, đường kính 50 cm nghe nói đã trên 200 năm.

5/ Hậu Diệp Diệp Sí

Ở Golden Palace tây bắc Côn Minh còn một cây cao hơn 10 mét, thân 50 cm tương truyền trồng từ đời Minh.

6/ Ma Diệp Ngân Hồng

Một cây trồng ở tu viện Bàn Long, huyện Tấn Ninh tương truyền trồng đời Nguyên, nay đã trên 600 tuổi. Cây cao 10 mét, thân 38 cm. Địa lý gia nổi tiếng đời Minh là Từ Hoàng Tổ cho là hai cây cổ thụ Tùng Tử Lân và Ma Diệp Ngân Hồng tại tu viện Bàn Long là hai cây đẹp nhất Vân Nam.

7/ Tử Bào

Một cây khoảng 200 năm trồng tại bắc Côn Minh nhưng đã chết năm 1953.

8/ Liễu Diệp Ngân Hồng

Tại Hắc Long Đàm có một cây 200 năm nhưng cũng đã chết.

9/ Bảo Châu Trà

Tại huyện Phượng Khánh có một cây khổng lồ hơn 100 năm.

10/ Phượng Sơn Trà

Một cây tại huyện Phượng Khánh khoảng 8, 90 năm.

11/ Bồ Môn Trà

Tại tu viện Qunyue có vài cây trên 100 tuổi.

12/ Tĩnh An Trà

Tại tu viện Tĩnh An, huyện Nghi Lương có một cây cao 7, 8 mét, thân 25 cm chừng hơn 100 tuổi.

13/ Đại Lý Trà

Huyện Đằng Xung có vài cây trên 100 tuổi.

14/ Vạn Đoá Trà

Ở Ngọc Phong Tự tại Lệ Giang có một cây khổng lồ nghe nói trên 500 năm, thân chia làm hai nhánh mỗi nhánh 50 cm. Thân chính chu vi 123 cm. Tần Nhân Xương, một thực vật gia Trung Hoa đã nói:

Vua các loài trà trên thế giới là ở Trung Hoa, vua các loài trà của Trung Hoa là ở Vân Nam, vua các loài trà của Vân Nam là hoa trà ở Lệ Giang.

HOA TRÀ VÂN NAM

	Hán Việt	Tên Trung Hoa	Hán tự	Anh ngữ	Nước truyền qua đầu tiên
1	Bảo châu trà	Baozhucha	寶珠茶	Red Jewellery	Australia
2	Bảo ngọc hồng	Baoyuhong	寶玉紅	Precious Jade Red	USA
3	Bảo thạch hoa	Baoshihua	寶石花	Jewel Flower	USA
4	Bích ngọc	Biyu	碧玉	Flushea White Jade	
5	Bình biện Đại Lý trà	Pinbandalicha	平瓣大理茶	Flat Petal Dali Camellia	Japan
6	Bồ môn trà	Pumencha	蒲門茶	Pumen Camellia	
7	Cầm bào hồng	Jinpaohong	錦袍紅	Brocade Gown Red	USA
8	Chu sa tử bào	Zhushazipao	朱砂紫袍	Cinnabar Purple Gown	USA
9	Côn Minh xuân	Kunmingchun	昆明春	Kunming Spring	Japan
10	Cửu tâm tử bào	Jiuxinzipao	九心紫袍	Nine Hearts Purple Gown	
11	Cung phân	Gongfen	宮粉	Pink Palace	
12	Cúc biện	Juban	菊瓣	Chrysanthemum Petal	USA
13	Dương hồng tú cầu	Yanghongxiuqiu	洋紅繡球	Carmin Ball	
14	Hận thiên cao	Hentiangao	恨天高	Dwarf Rose	Japan
15	Hậu điệp điệp sí	Houyediечи	厚葉蝶翅		
16	Hi nghinh xuân	Xiyinchun	喜迎春	Joyful Welcoming Spring	
17	Hạc đỉnh hồng	Hedinghong	鶴頂紅	Stork Crest Red	USA
18	Hoa điệp bảo châu	Huayebaozhu	花葉寶珠	Variegated Leaf Jewellery	
19	Hồng bảo thạch	Hongbaoshi	紅寶石	Red Jade	
20	Hồng hà	Hongxia	紅霞	Red Cloud	USA
21	Hồng kim linh	Hongjinling	紅金翎	Redish Gold Wing	
22	Hồng mai	Hongmei	紅梅	Crimson Mume	
23	Hồng ngũ tâm	Hongwuxin	紅五心	Crimson Five Heart	
24	Hồng oản trà	Hongwancha	紅碗茶	Red-bowl Camellia	Japan
25	Khánh khẩu	Qingkou	馨口	Empty Mouth	USA
26	Khúc biện đào hồng	Qubantaohong	曲瓣桃紅	Rolling Crimson	
27	Kim nhụy phù dung	Jinruifurong	金蕊芙蓉	Golden Stamened Hibicus	USA
28	Kim tâm bảo châu	Jinxinbaozhu	金心寶珠	Golden Heart Jewellery	USA
29	Kim tâm đại hồng	Jinxindahong	金心大紅	Golden Heart Scarlet	
30	Liên nhụy	Lianrui	連蕊	Double Bowl	USA
31	Liên phiến thác châu	Lianpian tuozhu	蓮片托珠	Lotus Petal Supporting a Pearl	

32	Liều điệp ngân hồng	Liuyeyinhong	柳葉銀紅	Willow Leaf Spinel Pink	USA
33	Lượng điệp ngân hồng	Liangyeyinhong	亮葉銀紅	Glossy Pink	USA
34	Lục giác hận thiên cao	Liujiuahentiangao	六角恨天高	Hexangular Dwarf Rose	
35	Ma điệp đào hồng	Mayetaohong	麻葉桃紅	Reticulate Leaf Crimson	USA
36	Ma điệp ngân hồng	Mayeyinhong	麻葉銀紅	Reticulate Leaf Spinel	USA
37	Mẫu đơn trà	Mudancha	牡丹茶	Peony Camellia	USA
38	Mai hồng ngũ sí	Meihongwuchi	玫紅五翅	Plum Color Fivewing	
39	Mai hồng quế điệp	Meihongguiye	玫紅桂葉	Rosy Osmanthus Leaf	Japan
40	Mã não cúc biện	Manaojuban	瑪瑙菊瓣	Cornelian Rose	USA
41	Mã não tử bào	Manaozipao	瑪瑙紫袍	Cornelian Purple Gown	USA
42	Đại hồng bào	Dahongpao	大紅袍	Bright Red Gown	USA
43	Đại kim tuệ	Dajinsui	大金穗	Large Golden Tassel	
44	Đại Lý điệp sí	Dalidiechi	大理蝶翅	Dali Butterfly Wings	USA
45	Đại Lý trà	Dalicha	大理茶	Dali Camellia	USA
46	Đại mã não	Damanao	大瑪瑙	Large Cornelian	USA
47	Đại đào hồng	Dataohong	大桃紅	Large Crimson	USA
48	Đại ngân hồng	Dayinhong	大銀紅	Large Spinel Pink	USA
49	Đại quế điệp	Daguiye	大桂葉	Large Osmanthus Leaf	New Zealand
50	Đại vân phiến	Dayunpian	大雲片		
51	Đạm đại hồng	Dandahong	淡大紅	Pale Spinel Pink	USA
52	Đào hồng bảo châu	Taohongbaozhu	桃紅寶珠	Pink Jewel	
53	Đào hồng mẫu đơn	Taohongmudan	桃紅牡丹	Crimson Peony	
54	Đào hồng triều dương	Taohongzhaoyang	桃紅朝陽	Crimson Morning Light	
55	Đào hồng tú cầu	Taohongxiuqiu	桃紅繡球	Crimson Ball	
56	Ngân hà hoa	Yinhehua	銀荷花		
57	Ngân hồng điệp sí	Yinhongdiechi	銀紅蝶翅	Spinel Pink Butterfly Wing	USA
58	Ngân hồng sư tử	Yinhongshizi	銀紅獅子	Spinel Pink Lion	
59	Ngân phấn mẫu đơn	Yinfenmudan	銀粉牡丹	Spinel Pink Peony	USA
60	Nghinh xuân hồng	Yingchunhong	迎春紅	Welcoming Spring	Japan
61	Ngọc lan trà	Yulanha	玉蘭茶	Magnolia Camellia	USA
62	Ngọc dải hồng	Yudaihong	玉帶紅	Jade Striped Red	USA
63	Ngọc sư tử	Yushizi	玉獅子	Crimson Lion	
64	Ngu mỹ nhân	Yumeiren	虞美人	Crimson Corn Poppy	
65	Nhất phẩm hồng	Yipinhong	一品紅	First Class Crimson	Japan
66	Nhị kiều	Erqiao	二嬌	Beauty Twin	
67	Đinh hương hồng	Dingxianghong	丁香紅	Lilac Red	USA

68	Độc tâm Đại Lý trà	Duxindalicha	獨心大理茶	Single Heart Dali Camellia	
69	Độc tâm ngân hồng	Duxinyinhong	獨心銀紅	Single Heart Spinel Pink	
70	Độc tâm điệp sí	Duxindiechi	獨心蝶翅	Single Heart Butterfly Wings	USA
71	Đồng tử diện	Tongzimian	童子面	Baby Face	USA
72	Noãn điệp ngân hồng	Luanyeyinhong	卵葉銀紅	Ovate Leaf Spinel Pink	USA
73	Đoàn điệp điệp sí	Tuanyediechi	團葉蝶翅	Round Leaf Butterfly Wing	
74	Phấn hồ điệp	Fenhudie	粉蝴蝶	Pink Butterfly	USA
75	Phấn hồng điệp sí	Fenhongdiechi	粉紅蝶翅	Light Pink Butterfly Wing	USA
76	Phấn hồng tinh	Fenhongxing	粉紅星	Light Pink Star	
77	Phấn đan	Fendan	粉丹	Sunset Glory	
78	Phấn nga kiều	Fenejiao	粉娥嬌	Pink Pretty	USA
79	Phấn ngọc	Fenyu	粉玉	Pink Jade	
80	Phấn ngọc lan	Fenyulan	粉玉蘭	Pink Magnolia	
81	Phấn thông thảo	Fentongcao	粉通草	Pink Chrysanthemum Petal	
82	Phấn triều vân	Fenzhaoyun	粉朝雲		
83	Phi hà	Feixia	飛霞	Flying Cloud	
84	Phong sơn trà	Fengshancha	風山茶	Fengshan Camellia	USA
85	Quê điệp dương hồng	Guiyeyanghong	桂葉洋紅	Osmanthus leaf Carmine	USA
86	Qui hà	Guixia	歸霞	Captain Rawes	Japan
87	Quyên biện mẫu đơn	Juanbanmudan	卷瓣牡丹	Rolled Petal Peony	
88	Quyên biện điệp sí	Juanbandiechi	卷瓣蝶翅	Rolling Butterfly Wing	
89	Sư tử đầu	Shizitou	獅子頭	Lion's Head	Japan
90	Tảo mẫu đơn	Zaomudan	早牡丹	Early Peony	New Zealand
91	Tảo đào hồng	Zaotaohong	早桃紅	Early Crimson	New Zealand
92	Tê quê điệp	Xiguiye	細桂葉	Narrow Osmanthus Leaf	USA
93	Thái ngọc	Caiyu	彩玉	Beautiful Jade	
94	Thủy phù dung	Shuifurong	水芙蓉	Pink Hibiscus	
95	Tiêm điệp đào hồng	Jianyetaohong	尖葉桃紅	Pointed Leaf Crimson	USA
96	Tiên điệp trà	Xianyecha	仙葉茶	Fairy Leaf Camellia	
97	Tiểu điệp mẫu đơn	Xiaoyemudan	小葉牡丹	Small Leaf Peony	USA
98	Tiểu điệp ngân điệp	Xiaoyeyindie	小葉銀蝶	Small Leaf Spinel Pink	
99	Tiểu đào hồng	Xiaotaohong	小桃紅	Small Crimson	
100	Tiểu ngân hồng	Xiaoyinhong	小銀紅	Small Pink	
101	Tiểu ngọc lan	Qiaoyulan	俏玉蘭	Pretty Magnolia	
102	Tiểu ngọc lan	Xiaoyulan	小玉蘭	Small Magnolia	USA
103	Tiểu quê điệp	Xiaoguiye	小桂葉	Small Osmanthus Leaf	USA

104	Tống xuân qui	Songchungui	送春歸	Farawell To Spring	
105	Tĩnh an trà	Jingancha	靖安茶	Jingan Camellia	USA
106	Từ bào	Zipao	紫袍	Purple Gown	USA
107	Trại cúc biện	Saijuban	賽菊瓣	Superior Chrysanthemum Petal	USA
108	Trại mẫu đơn	Saimudan	賽牡丹	Superior Peony	USA
109	Trại đào hồng	Saitaohong	賽桃紅	Super Crimson	USA
110	Trại phù dung	Saifurong	賽芙蓉	Superior Hibiscus	
111	Triều hà	Zhaoxia	朝霞	Morning Cloud	
112	Trương gia trà	Zhangjiacha	張家茶	Chang's Camellia	New Zealand
113	Tùng tử lân	Songzilin	松子鱗	Pine Cone Scale	England
114	Tùng tử xác	Songzike	松子殼	Pine Nut Shell	Japan
115	Tuyết tán đào hoa	Xuesataohua	雪撒桃花	Snow Flake on Peach Blossom	
116	Tuý kiều hồng	Zuijiaohong	醉嬌紅	Charming Drunk Red	USA
117	Vân hoa trà	Yunhuacha	雲華茶	Yunhua Camellia	
118	Vạn đoá trà	Wandoucha	萬朵茶	Ten Thousand Flower Camellia	
119	Vãn xuân hồng	Wanchunhong	晚春紅	Late Spring Red	
120	Xuân chi luyện	Chunzhilian	春之戀	Sping Love	

KẾT LUẬN

Tuy gần đây người Trung Hoa có gắng đề cao và khẳng định nước Tàu là nguyên địa của loài hoa này nhưng hoa trà không phải là giống hoa được đề cập đến nhiều nhất, cũng không phổ thông như hoa cúc, hoa lan, hoa sen, hoa mẫu đơn ...

Về tượng trưng, hoa cúc là loài hoa đạm bạc, thanh cao, mẫu đơn là vua của muôn hoa (nổi tiếng về câu truyện truyền kỳ *Nữ Hoàng Truyền Chi Trăm Hoa Nữ*, vì không tuân lệnh Võ Tắc Thiên nên bị đày xuống Giang Nam), thủy tiên, hoa mai là hoa của mùa xuân ... còn sơn trà hầu như ít ai biết đến. Hoa trà gắn liền với cái tên sơn trà hay nam sơn trà dường như gần gũi với các dân tộc miền núi nhất là các sắc tộc vùng Vân Nam. Những thần kỳ về hoa trà mà chúng ta đọc được trong Thiên Long Bát Bộ thực ra chỉ là tưởng tượng của Kim Dung để cho câu truyện thêm độc đáo.

Trên thực tế, bất cứ giống hoa trà nào cũng thuần chủng, cho ra cùng một loại hoa, tuy có khác nhau về hình dáng, màu sắc, thời gian nhưng không có thể cho ra nhiều loại trên cùng một gốc. Tuy nhiên, nếu một nghệ nhân có tài di hoa tiếp mộc, tháp nhiều cành trên một cây, rất có thể có những cây ra nhiều màu hoa khác nhau. Nhiều chuyên gia cho rằng sơn trà mang tính chất vương giả hơn hoa hồng vì hoa trà thuần chất nên đã đặt cho nó cái tên Đông Hoa Nữ Vương (Queen of the Winter Flowers).

Nguyễn Duy Chính

Tháng 8, 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bàng, Kim Hồ, Phùng Chí Châu, Chu Bảo Hoa, Quách Sĩ Khâm (龐金虎, 馮志舟, 朱寶華, 郭士欽). *Trung Quốc Trà Hoa 中國茶花 (Camellias of China)*. Beijing: The China Esperanto Press (Trung Quốc Thế Giới Ngữ Xuất Bản Xã) 1995
2. China Cartographic Publishing House. *Atlas of the People's Republic of China*. (中華人民共和國地圖集) Beijing: Foreign Languages Press, 1989.
3. Dư, Gia Hoa (余嘉華). *Vân Nam Phong Vật Chí (雲南風物志)*. Côn Minh: Vân Nam Nhân Dân xb xã, 1982.
4. Kim Dung (金庸): *Thiên Long Bát Bộ (天龍八部)* (5 cuốn) Viễn Ảnh xb sự nghiệp công ty, 1981.
5. Kunming Institute of Botany Academia Sinica. *Yunnan Camellias of China*. Beijing: Science Press, 1986.
6. Lý Thời Trân (李時珍) tuyển, Cam Vĩ Tùng (甘偉松) tăng đính. *Bản Thảo Cương Mục (本草綱目)* (bộ 3 cuốn). Đài Bắc: Hoàng Nghiệp Thư Cục, 1985.
7. Macoboy, Stirling. *The Illustrated Encyclopedia of Camellias*. Oregon: Timber Press, Inc. 1998.
8. Ortho Books. *All about Azaleas, Camellias & Rhododendrons*. San Francisco: Chevron Chemical Co., 1985.
9. Phạm Hoàng Hộ. *Cây Cỏ Việt Nam* (ba quyển, sáu tập). Montréal, 1999.
10. Sunset Books and Sunset Magazine. *Azaleas, Rhododendrons, Camellias*. California: Lane Publishing Co., 1982
11. Sunset Books and Sunset Magazine. *How to grow and use Camellias* 5th Printing. California: Lane Magazine, 1971.
12. Trần Trung Viên (sao lục) *Văn đàn bảo giám I & II* (nguyên bản Văn Học Tùng Thư 1926) Calif: Đại Nam, không đề năm.
13. Trịnh Thiên Đĩnh 鄭天挺 (chủ biên). *Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển 中國曆史 大辭典* (2 cuốn). Thượng Hải: Thượng Hải Từ Thư xb xã, 2000.